

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022, cụ thể:**

1. Tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 9.168 người, trong đó:

- a) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 7.311 người.
- b) Sự nghiệp y tế: 1.053 người.
- c) Sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin: 277 người.
- d) Sự nghiệp khoa học: 15 người.
- đ) Sự nghiệp khác: 512 người.

2. Tổng số người làm việc trong các tổ chức hội: 62 người.

3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 354 chỉ tiêu, trong đó:

a) Cơ quan hành chính nhà nước: 188 chỉ tiêu;

b) Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập: 166 chỉ tiêu.

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ tám (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2022. / *AM*

**Nơi nhận:** *TL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. *AM*

**CHỦ TỊCH**

**Phương Thị Thanh**

## PHỤ LỤC 01

## SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc					
		Tổng	Sự nghiệp Giáo dục và đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, thể thao và du lịch	Sự nghiệp Khoa học	Sự nghiệp khác
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9.168</b>	<b>7.311</b>	<b>1.053</b>	<b>277</b>	<b>15</b>	<b>512</b>
<b>A</b>	<b>CÁC SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG</b>	<b>2.249</b>	<b>724</b>	<b>1.052</b>	<b>111</b>	<b>15</b>	<b>347</b>
1	Sở Nội vụ	14					14
2	Sở Tư pháp	35					35
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10					10
4	Sở Công Thương	14					14
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88					88
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	54					54
7	Sở Thông tin và Truyền thông	19					19
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	71	3	24			44
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	116			111		5
10	Sở Khoa học và Công nghệ	15				15	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	721	721				
12	Sở Y tế	1.065		1.028			37
13	Văn phòng UBND tỉnh	17					17
14	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	10					10
<b>B</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH</b>	<b>213</b>	<b>89</b>	<b>1</b>	<b>57</b>		<b>66</b>
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	66					66
2	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	90	89	1			
3	Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn	57			57		
<b>C</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>6.706</b>	<b>6.498</b>		<b>109</b>		<b>99</b>
1	UBND thành phố Bắc Kạn	687	654		14		19
2	UBND huyện Ba Bể	1.042	1.017		14		11
3	UBND huyện Ngân Sơn	693	670		13		10
4	UBND huyện Chợ Đồn	1.046	1.018		14		14
5	UBND huyện Na Rì	970	944		13		13
6	UBND huyện Bạch Thông	652	627		14		11
7	UBND huyện Chợ Mới	763	739		14		10
8	UBND huyện Pác Nặm	853	829		13		11

PHỤ LỤC 02

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số **15** /NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc	Ghi chú
1	2	3	4
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>62</b>	
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>54</b>	Tổ chức hội cấp tỉnh
1	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	8	
2	Hội Đông y tỉnh	7	
3	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	8	
4	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	15	
5	Hội Nhà báo tỉnh	4	
6	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN tỉnh	1	
7	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh	1	
8	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh	2	
9	Hội Khuyến học tỉnh	2	
10	Hội Luật gia tỉnh	2	
11	Ban Đại diện Người cao tuổi tỉnh	1	
12	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh	3	
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>8</b>	Hội Chữ thập đỏ cấp huyện
1	UBND thành phố Bắc Kạn	1	
2	UBND huyện Ba Bể	1	
3	UBND huyện Ngân Sơn	1	
4	UBND huyện Chợ Đồn	1	
5	UBND huyện Na Rì	1	
6	UBND huyện Bạch Thông	1	
7	UBND huyện Chợ Mới	1	
8	UBND huyện Pác Nặm	1	

## PHỤ LỤC 03

**CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP  
HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

*(Kèm theo Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)*

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu giao năm 2022		
		Tổng	Trong đó	
			Khối Hành chính	Khối Sự nghiệp
1	2	3=4+5	4	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>354</b>	<b>188</b>	<b>166</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG</b>	<b>227</b>	<b>132</b>	<b>95</b>
1	Sở Nội vụ	6	5	1
2	Sở Tư pháp	5	5	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	4	
4	Sở Tài chính	5	5	
5	Sở Công thương	4	4	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32	27	5
7	Sở Giao thông vận tải	7	7	
8	Sở Xây dựng	5	5	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	4	4	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	5	4	1
11	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	38	5	33
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18	5	13
13	Sở Khoa học và Công nghệ	6	5	1
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	5	32
15	Sở Y tế	16	9	7
16	Thanh tra tỉnh	3	3	
17	Văn phòng UBND tỉnh	19	17	2
18	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	8	8	
19	Ban Dân tộc	2	2	
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	3	3	
<b>II</b>	<b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH</b>	<b>4</b>		<b>4</b>
1	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể	4		4
<b>III</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>122</b>	<b>56</b>	<b>66</b>
1	UBND thành phố Bắc Kạn	7	7	
2	UBND huyện Ba Bể	16	7	9
3	UBND huyện Ngân Sơn	19	6	13
4	UBND huyện Chợ Đồn	19	6	13
5	UBND huyện Na Rì	20	7	13
6	UBND huyện Bạch Thông	9	8	1
7	UBND huyện Chợ Mới	14	7	7
8	UBND huyện Pác Nặm	18	8	10
<b>IV</b>	<b>CÁC TỔ CHỨC HỘI</b>	<b>1</b>		<b>1</b>
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1		1